

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 107/2024/DS-PT

Ngày: 25/9/2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phán

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 195/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1966 và bà Bùi Thị D, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Ông N vắng mặt, bà D có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1959; Địa chỉ: V luật sư Nguyễn Đức L1, khối T, phường Q, thị xã H, Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ánh S, sinh năm 1972 và bà Phan Thị T, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Ông S có mặt, bà T vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Phan Văn H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Công ty L2, số B Hồ V, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Hoàng Văn N, bà Bùi Thị D thống nhất trình bày:*

Ông bà và vợ chồng ông Nguyễn Ánh S, bà Phan Thị T là người cùng là hàng xóm với nhau, do nể nang, tin tưởng nên trong năm 2018 ông bà đã cho vợ chồng ông S, bà T mua nợ tiền dầu nhiều lần để đi đánh bắt thủy sản. Tổng số nợ chót trong năm 2018 là 453.230.000 (Bốn trăm năm mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng. Giấy chót nợ là do tự tay chị Phan Thị Tuyết V và ghi vào giấy ghi nợ.

Sau khi chót nợ ông bà đã đến gặp ông S, bà T để yêu cầu trả nợ, đến ngày 26/5/2019 ông S, bà T mới trả cho ông bà số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Số tiền nợ còn lại 433.230.000 (Bốn trăm ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng, đến nay ông S, bà T vẫn chưa trả cho ông bà được thêm khoản tiền nào? Nay ông bà yêu cầu vợ chồng ông S, bà T phải trả cho ông bà số tiền nợ mua dầu còn lại là 433.000.000 (Bốn trăm ba mươi ba triệu) đồng làm tròn số. Ông bà không yêu cầu tiền lãi suất.

*Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày:* Ông cũng thống nhất như trình bày của ông N, bà D không bổ sung thêm ý kiến gì.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Ánh S, bà Phan Thị T thống nhất trình bày:*

Năm 2017, vợ chồng ông bà có hợp đồng với ông N, bà D về việc đấu thầu tiền dầu và tàu đi biển ông N, bà D có cung cấp dầu cho thuyền của vợ chồng ông bà và ông N bà D đã cổ phần cho vợ chồng ông bà số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để vợ chồng ông bà lấy dầu của ông N bà D. Sau đó do làm ăn thua lỗ vợ chồng ông N, bà D có cho vợ chồng ông bà vay số tiền 132.246.000 (Một trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng với lãi suất bằng lãi suất Ngân hàng.

Tổng cộng 02 khoản tiền trên là 332.246.000 (Ba trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng. Đối với số tiền nợ này đã được hai bên thỏa thuận thống nhất với nhau và được Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2021/QĐST-DS ngày 21/7/2021. Ngoài ra vợ chồng ông bà không còn nợ thêm ông N bà D thêm một khoản nào khác nữa. Ông bà cũng không thừa nhận khoản nợ tiền dầu với ông N, bà D.

Nay ông N, bà D yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả số tiền nợ mua dầu còn lại là 433.000.000 (Bốn trăm ba mươi ba triệu) đồng thì ông bà không thống nhất.

*Người đại diện ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị T ông Phan Văn H trình bày:* Ông cũng thống nhất như trình bày của ông S, bà T không bổ sung thêm ý kiến gì.

Bản án sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân thị xã Hoàng Mai đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 119; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440; Điều 453 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi suất; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn N, bà Bùi Thị D đối với bị đơn ông Nguyễn Ánh S, bà Phan Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

- Buộc ông Nguyễn Ánh S, bà Phan Thị T phải liên đới trả số tiền mua bán dầu cho ông Hoàng Văn N, bà Bùi Thị D là 433.000.000 (Bốn trăm ba mươi ba triệu) đồng.

Kỷ phần ông S, bà T mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Hoàng Văn N, bà Bùi Thị D số tiền là 216.500.000 (Hai trăm mười sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 10 năm 2023, bị đơn bà Phan Thị T và ông Nguyễn Ánh S kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm và giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Ánh S, bà Phan Thị Tuyết G nguyên nội dung kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm hoặc bác toà bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ánh S và bà Phan Thị Tuyết . Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo uỷ quyền tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Ánh S, bà Phan Thị Tuyết Hội Đ xét xử thấy rằng:

[2.1] Trong năm 2018, ông Hoàng Văn N, bà Bùi Thị D và ông Nguyễn Ánh S, bà Phan Thị T có thỏa thuận mua bán dầu với nhau. Qua đó ông N, bà D có cung cấp dầu cho vợ chồng ông S bà T. Ông N bà D đã cô phần cho vợ chồng ông S, bà T số tiền 200.000.000 đồng để vợ chồng ông S bà T lấy dầu của ông N bà D. Sau đó, do làm ăn thua lỗ vợ chồng ông N, bà D có cho ông S bà T vay thêm số tiền 132.246.000 đồng với lãi suất bằng lãi suất ngân hàng. Tổng cộng 02 khoản tiền trên là 332.246.000 đồng. Số tiền nợ này đã được hai bên thừa nhận với nhau và được Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2021/QĐST-DS ngày 21/7/2021 buộc vợ chồng ông S, bà T phải trả nợ cho ông N, bà D.

[2.2] Giấy chốt nợ ngày 12/12/2018, thể hiện chữ viết “nợ dầu Bốn trăm năm mươi Ba triệu Bốn trăm nghìn đồng=4.53230”, ông N, bà D khẳng định có khoản nợ tiền dầu này và tất cả các khoản chốt nợ đó đều do bà Phan Thị T ghi.

Ông S, bà T không thừa nhận khoản nợ tiền dầu này và khẳng định bà T không ghi vào giấy chốt nợ. Xem xét tổng thể giấy chốt nợ ngày 12/12/2018, có thể hiện các khoản nợ gồm tiền cọc 200.000.000 đồng; tiền vay 132.246.000 đồng; nợ dầu 453.230.000 đồng. Tổng cộng 785.476.000 đồng; ngày 26/5/2019 trả 20.000.000 đồng còn nợ lại 765.476.000 đồng, Tuyết S1 tổng nợ chuyển sang 765.476.000 đồng. Mặc dù, trong giấy xác nhận nợ số tiền không ghi rõ cụ thể nhưng số tiền bằng chữ cũng đã ghi rõ các khoản nợ. Ngoài ra, tại giấy nhận nợ ngày 12/12/2018, thì các khoản vay gồm tiền cọc 200.000.000 đồng; tiền vay 132.246.000 đồng đã được ông S1, bà T thừa nhận và đã được Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2021/QĐST-DS ngày 21/7/2021.

[2.3] Quá trình giải quyết tại toà án cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã yêu cầu Toà án giám định chữ viết của bà T tại Giấy chốt nợ ngày 12/12/2018. Theo kết luận giám định chữ viết số 37/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 10/01/2023, của Phòng K Công an tỉnh N đã kết luận: Chữ viết “nợ dầu Bốn trăm năm mươi Ba triệu Bốn trăm nghìn đồng=4.53230” so với các mẫu chữ của bà Phan Thị T cung cấp trong quá trình Tòa án giải quyết đều là do 01 người viết ra. Sau khi có kết quả giám định bà Phan Thị T đã có đơn yêu cầu giám định lại nhưng không đến Tòa án làm các thủ tục giám định lại, Tòa án cũng đã giao trách nhiệm cho vợ chồng ông bà đến làm các thủ tục giám định lại nhưng ông bà vẫn không thực hiện.

[2.4] Tại cấp phúc thẩm, bà Phan Thị T, ông Nguyễn Ánh S có yêu cầu giám định lại chữ viết của bà T tại Giấy chốt nợ ngày 12/12/2018. Tại kết luận giám định số 277/KL-KTHS ngày 05/9/2024, của V1 Bộ C đã kết luận: Các chữ “nợ dầu Bốn trăm năm mươi Ba triệu Bốn trăm nghìn đồng=4.53230” tại hai dòng chữ viết thứ 7, 8 tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Phan Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký ra.

[2.5] Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn N, bà Bùi Thị D và buộc ông Nguyễn Ánh S, bà Phan Thị T phải liên đới trả số tiền mua bán dầu cho ông Hoàng Văn N, bà Bùi Thị D là 433.000.000 (Bốn trăm ba mươi ba triệu) đồng là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên toà là phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ánh S và bà Phan Thị T không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.



[4] Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Ánh S, bà Phan Thị T phải chịu chi phí giám định vì kết quả giám định chứng minh yêu cầu của họ không có căn cứ. (Ông Nguyễn Ánh S và bà Phan Thị T đã nộp đủ 7.000.000 (Bảy triệu) đồng).

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ánh S và bà Phan Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Ánh S và bà Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002740 ngày 06/10/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

3. Về chi phí giám định lại chữ ký, chữ viết: Ông Nguyễn Ánh S và bà Phan Thị T phải chịu 7.000.000 (Bảy triệu) đồng tiền chi phí giám định lại chữ ký, chữ viết. (Ông Nguyễn Ánh S và bà Phan Thị T đã nộp đủ 7.000.000 (Bảy triệu) đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### ***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Thị Hồng Vân**

